

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **89** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v ly hôn giữa chị N và anh Đ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Phước

2. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 421/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm N, sinh năm 1990;

HKTT tại: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ đang cư trú: ấp N, xã Hng, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đ, sinh năm 1984;

Cư trú tại: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị N có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trần Huỳnh Đ kết hôn vào năm 2013, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường cãi nhau. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phạm B, sinh ngày 02/4/2015, con chung hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: theo Quyết định đình chỉ số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018 cho thấy chị N có cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị N và anh Đ đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Trong quá trình tố tụng, anh Đ vắng mặt; điều đó cho thấy anh Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung, trong thời gian ly thân chị N trực tiếp nuôi con, anh Đ không có yêu cầu gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N; chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung, chị N và anh Đ cùng thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa chị Phạm N và anh Trần Đ là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Đ hiện đang cư trú tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: chị N và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2013 (số 99 quyển số 01/2013) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Trong thời gian ly thân, chị N đã một lần nộp đơn xin ly hôn với anh Đ nhưng sau đó chị N đã rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng theo Quyết định đình chỉ số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018. Tuy nhiên, thời gian vừa qua anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn và chị N tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không tham gia phiên hòa giải. Điều đó cho thấy, anh Đ không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: theo giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/4/2015 thì chị N và anh Đ có 01 con chung tên Trần B, sinh ngày 02/04/2015. Chị N yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu B hiện nay đang sống cùng chị N; cháu B còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc của mẹ, anh Đ lại không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho chị Phạm N ly hôn với anh Trần Đ.
2. Về con chung: giao con chung là Trần B, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai chị và anh Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018993 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Dương sự đã nộp đủ án phí.

Chị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S, huyện C, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền